

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 234/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-11-2024
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Thành Trại

2/ Ông Nguyễn Minh Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 543/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Trần Văn P**, sinh năm: 1984

Địa chỉ: ấp T1, xã LĐ, huyện CT, tỉnh TG

- Bị đơn: **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: ấp K2A, xã LĐ, huyện CT, tỉnh TG.

(Anh P có mặt; chị H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm không thể hàn gắn, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh P yêu cầu ly hôn với chị H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Trọng N, sinh ngày 02/11/2008. Hiện cháu đang sống cùng anh P. Khi ly hôn anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt. Tại bản tự khai đề ngày 16/10/2024 chị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P tự ý bỏ nhà đi không rõ lý do. Đến năm 2021 anh P quay về, vì thương con nên chị H bỏ qua để vợ chồng tiếp tục chung sống cùng lo cho con. Tuy nhiên, sau khi anh P quay về lại thay đổi tình tình thường xuyên mắng chửi, xúc phạm chị H do ghen tuông vô cớ. Đến ngày 19/6/2023 chị H bỏ nhà ra sống riêng và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H đồng ý ly hôn với anh P.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Trọng N, sinh ngày 02/11/2008. Hiện cháu đang sống cùng anh P. Khi ly hôn chị H đồng ý để anh P tiếp tục nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố

tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn P.
- Về con chung: Giao cháu Trần Trọng N, sinh ngày 02/11/2008 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P chưa có yêu cầu.
- Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[1] – Về nội dung yêu cầu: Anh Trần Văn P yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Anh P và chị H xác lập hôn nhân vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa anh P và chị H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh P và chị H đã không còn sống cùng nhà từ tháng 6/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa anh P và chị H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Anh P xin ly hôn và chị H đồng ý, do đó yêu cầu xin ly hôn của anh P là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Về con chung: Anh P và chị H có 01 con chung tên Trần Trọng N, sinh ngày 02/11/2008, cháu hiện đang sống cùng anh P. Khi ly hôn anh P và chị H cùng thống nhất giao con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, sự thỏa thuận về con chung giữa anh P và chị H là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.5] Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] **Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh P phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn P.

- Anh Trần Văn Phúc được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Trọng N, sinh ngày 02/11/2008 cho anh Trần Văn P tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không có yêu cầu.

3/ Về án phí: Anh Trần Văn P phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011832 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Long Định;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh